

### ■ Mô tả

Mô-đun EVA-MiniIP được sử dụng trong hệ địa chỉ 2 dây. Mô-đun giám sát và truyền trạng thái (bình thường, hở mạch, ngắn mạch, hoặc báo cháy) của thiết bị được trang bị tiếp điểm khô NO/NC đến trung tâm. Mô-đun được sử dụng vận hành theo Class B (kiểu B & C).

### Ứng dụng

EVA-MiniIP được thiết kế sử dụng cho trạm nhấn khẩn, công tắc dòng chảy, công tắc an ninh và những ứng dụng khác mà được trang bị tiếp điểm khô và cần được giám sát.

### Lắp đặt

Mô-đun này cho phép gắn hoặc đặt mô-đun đằng sau hoặc bên trong thiết bị giám sát. Kích thước nhỏ và trọng lượng nhẹ của nó có thể được lắp đặt mà không cần khung cứng.

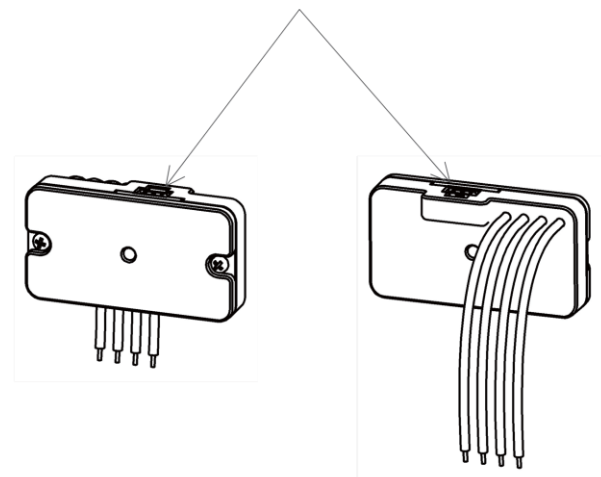
### ■ Features

- Thiết kế ứng dụng rộng rãi
- Cung cấp một giao diện để kết nối thiết bị
- Kích thước nhỏ và nhẹ
- 127 mô-đun có thể sử dụng cho 1 loop
- Địa chỉ có thể được thiết lập từ 001 đến 254 bằng bộ lập trình
- Dòng loop và dòng chớ thấp (1.7mA)
- Cho phép nó vừa khít vào bên trong thiết bị hoặc đằng sau thiết bị đặt trong hộp điện.

### Thiết lập địa chỉ

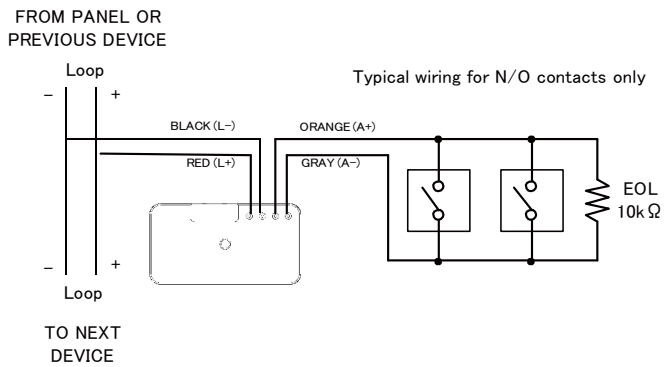
Địa chỉ mô-đun có thể được thiết lập thông qua bộ lập trình EVA- AD2. Kết nối bộ lập trình vào ngõ thiết lập để thay đổi địa chỉ từ 1 đến 254 (hệ thập phân). Địa chỉ này có thể được thiết lập cho dù việc cung cấp nguồn điện từ các trung tâm bật hoặc tắt. Trong thiết lập địa chỉ, các mô-đun không bị ảnh hưởng của trung tâm.

ADDRESS SETTING PORT



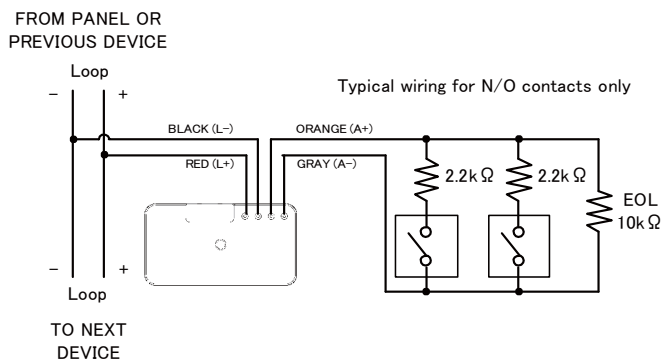
## ■ Đầu dây

### Class B (Style B)



Thiết lập	Giá trị
Ngõ vào	Thường hở
Dò hở mạch	Có
Dò ngắn mạch	Không

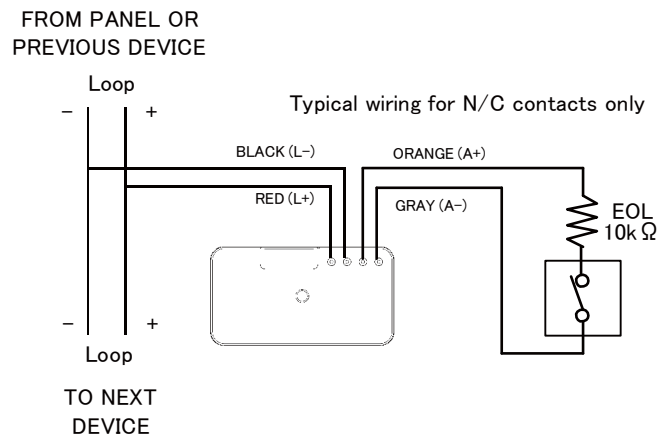
### Class B (Style C)



Thiết lập	Giá trị
Ngõ vào	Thường hở
Dò hở mạch	Có
Dò ngắn mạch	Có

\* Điện trở 2.2kΩ không bao gồm trong module EVA-MiniIP.  
 \* Lên tới 2 ngõ tiếp điểm N/O kết nối vào 1 module.  
 \* Nếu từ 3 thiết bị trở lên kết nối vào 1 module, sẽ bị lỗi ngắn mạch.

### Class B (Normally Close Devices)



Thiết lập	Giá trị
Ngõ vào	Thường đóng
Dò hở mạch	Không
Dò ngắn mạch	Có

\* Chỉ 1 tiếp điểm N/C kết nối vào 1 module.  
 \* Nếu nhiều hơn 2 thiết bị N/C, sẽ bị lỗi ngắn mạch.

## ■ Thiết lập Subtype

Subtype	Ngõ vào	Dò hở mạch	Dò ngắn mạch	Class (Style)	Ngắt
1	Thường hở	Có	Không	Class B (Style B)	Vô hiệu hóa
2					Hiệu lực
3	Thường đóng	Không	Có	Class B	Vô hiệu hóa
4					Hiệu lực
5	Thường hở	Có	Có	Class B (Style C)	Vô hiệu hóa
6					Hiệu lực

Chế độ vận hành của module có thể được chuyển đổi tùy thuộc vào thiết lập subtype như ở trên. Subtype có thể được thiết lập thông qua phần mềm cấu hình.

## ■ Thông số kỹ thuật

Thông số kỹ thuật	EVA-MiniIP
Điện thế loop cấp	Từ 20 đến 38 VDC
Dòng tiêu thụ	Chờ 1.7 mA Kích hoạt 7.2 mA (max)
Điện trở đường dây	Lên tới 50 Ω
Thiết bị ngoại vi	1 x Class B
Thông số thiết bị ngoại vi	15 VDC, 2.2 kΩ, 6.8 mA (max)
Trở kháng đường dây thiết bị ngoại vi	Lên tới 50 Ω
Điện trở cuối tuyến	RE-10 k (10 kΩ, 1/4 W) (bao gồm) Điện trở 2.2 kΩ cần khi thiết lập subtype loại 5 và 6
Nhiệt độ lắp đặt	0 °C to 49 °C (32 °F to 120 °F)
Nhiệt độ lưu trữ	-20 °C to 60 °C (-4 °F to 140 °F)
Độ ẩm tối đa	Lên tới 93 % RH, Không ngưng tụ
Môi trường	Khô thoáng trong nhà
Số thiết bị tối đa trong loop	127 cái
Thiết lập địa chỉ	Bộ lập trình EVA-AD2
Kích thước	H 37.6 mm x W 69.8 mm x D 17.2 mm (1.460" H x 2.748" W x 0.677" D)
Trọng lượng	Gần 34 g
Hợp chuẩn	UL864

Distributed By

All specifications are subject to change without any notice.  
For more information, contact with NITTAN.

**NITTAN**

54-5, 1-chome, Sasazuka,  
Shibuya-ku, Tokyo151-8535, Japan  
TEL:81-3-5333-7021 FAX:81-3-5333-8615